

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 232/1999/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 1999

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Quỹ hỗ trợ phát triển

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 43/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1999 của Chính phủ về
tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 50/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về tổ
chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Quỹ hỗ trợ
phát triển.

Điều 2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện bản Quy
chế ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2000.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành
phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng Giám đốc Quỹ hỗ trợ
phát triển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ

Quản lý tài chính của Quỹ hỗ trợ phát triển

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 232/1999/QĐ – TTg

ngày 17 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này áp dụng đối với hoạt động quản lý tài chính của hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển (sau đây gọi tắt là Quỹ).

Điều 2. Quỹ là một tổ chức tài chính Nhà nước hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, bảo đảm hoàn vốn và bù đắp chi phí, có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng trong nước, ngoài nước và được tổ chức thanh toán với khách hàng có quan hệ trực tiếp đến các hoạt động của Quỹ.

Quỹ là đơn vị hạch toán tập trung toàn hệ thống; thực hiện thu, chi và quyết toán thu chi tài chính theo chế độ quy định của Quy chế này; được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước để giảm lãi suất cho vay và giảm phí bảo lãnh.

Điều 3. Quỹ thực hiện nhiệm vụ huy động vốn trung và dài hạn, tiếp nhận và quản lý các nguồn vốn của Nhà nước dành cho tín dụng đầu tư phát triển để thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước.

Điều 4. Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài chính, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thu, chi tài chính của Quỹ.

Chương II

VỐN, QUỸ VÀ TÀI SẢN

Điều 5. Vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn thuộc sở hữu Nhà nước :

a) Vốn Điều lệ;

b) Vốn ngân sách Nhà nước cấp bổ sung hàng năm dành cho mục tiêu đầu tư.

Trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Vốn huy động dưới các hình thức : vay trung, dài hạn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và vốn vay từ Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài, Quỹ tiết kiệm bưu

điện, Quỹ bảo hiểm xã hội Việt nam; vốn từ phát hành trái phiếu; vay nợ, viện trợ nước ngoài của Chính phủ dùng để cho vay lại theo ủy thác của Bộ Tài chính.

3. Nguồn vốn nhận ủy thác cho vay đầu tư phát triển của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Điều 6. Bộ Tài chính thực hiện việc giao vốn thuộc sở hữu nhà nước và bố trí vốn bổ sung hàng năm dành cho các mục tiêu đầu tư.

Quỹ được sử dụng vốn để thực hiện cho vay đầu tư, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư theo đúng các quy định của Nhà nước. Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về việc quản lý an toàn, sử dụng đúng mục đích có hiệu quả các nguồn vốn của Quỹ.

Quỹ được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản trong phạm vi hệ thống của Quỹ để phục vụ cho việc phát triển hoạt động của Quỹ.

Điều 7. Quỹ được trích lập quỹ dự phòng rủi ro vào chi phí nghiệp vụ để bù đắp những tổn thất, thiệt hại do nguyên nhân khách quan trong quá trình thực hiện các dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước. Mức trích được tính bằng 2% số thu từ lãi cho vay hàng năm. Nếu cuối năm không sử dụng hết thì khoản dự phòng này được để lại bù đắp rủi ro cho những năm sau. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp các khoản tổn thất, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

Việc trích lập, sử dụng và thẩm quyền xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Nghị định 43/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1999 về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể Quy chế này.

Điều 8. Quỹ được hình thành quỹ dự phòng bảo lãnh để trả cho các tổ chức tín dụng khi chủ đầu tư được bảo lãnh không trả nợ đúng hạn. Giới hạn tối đa của quỹ dự phòng bảo lãnh bằng 5% tổng số vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước (trừ vốn ODA cho vay lại). Nếu cuối năm không sử dụng hết, thì số vốn này được chuyển thành nguồn vốn cho vay năm sau. Trường hợp vốn dự phòng bảo lãnh không đủ để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Nguyên tắc, đối tượng, quyền lợi, nghĩa vụ, quy trình bảo lãnh được thực hiện theo quy định tại mục III của Nghị định 43/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1999 về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và các chế độ hiện hành của Nhà nước.

Điều 9. Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm cân đối nguồn vốn và nhu cầu vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; việc huy động các nguồn vốn với lãi suất cao để cho vay đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc chỉ huy động khi đã sử dụng tối đa các nguồn vốn không phải trả lãi hoặc huy động với lãi suất thấp.

Khi thực hiện nhiệm vụ tín dụng đầu tư của Nhà nước giao, Quỹ được Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất. Mức cấp bù được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa lãi suất hoà đồng các nguồn vốn với lãi suất cho vay theo quy định và phần phí quản lý được hưởng.

Phí quản lý trong 5 năm đầu khi Quỹ mới thành lập được xác định bằng 0,2%/tháng trên số dư nợ cho vay bình quân bằng nguồn vốn tín dụng trong nước và 0,3%/năm trên số dư nợ cho vay bình quân bằng nguồn vốn tín dụng ngoài nước.

Đối với các dự án được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo quy định của Chính phủ, Quỹ được ngân sách Nhà nước cấp tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư. Mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 28 của Nghị định 43/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1999 về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể chế độ tài chính đối với việc cấp bù chênh lệch lãi suất và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

Điều 10. Các nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển Quỹ được sử dụng

1. Cho vay đầu tư.
2. Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.
3. Thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng đầu tư.
4. Trả nợ vốn vay các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
5. Thực hiện những nhiệm vụ khác theo quy định của Chính phủ.

Điều 11. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định của Quỹ được hình thành từ các nguồn : do ngân sách Nhà nước cấp, khấu hao tài sản cố định, quỹ đầu

tư phát triển và các nguồn hợp pháp khác.

2. Tỷ lệ trích khấu hao tài sản cố định; việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định; nhượng bán, thanh lý tài sản; kiểm kê và đánh giá lại tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định như đối với doanh nghiệp Nhà nước.

Điều 12. Bảo đảm hoàn vốn của Quỹ

Quỹ có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, bảo đảm hoàn vốn và bù đắp chi phí.

Quỹ thực hiện bảo đảm hoàn vốn theo quy định sau :

1. Mua bảo hiểm tài sản và các chế độ bảo hiểm khác liên quan đến vốn theo quy định.

2. Được sử dụng vốn nhàn rỗi để :

a) Đầu tư trái phiếu, tín phiếu Chính phủ;

b) Cho vay hỗ trợ đối với các dự án đầu tư thuộc nguồn vốn cấp phát của ngân sách Nhà nước tạm thời thiếu vốn;

c) Cho vay vốn sản xuất ban đầu đối với dự án đầu tư được vay vốn của Quỹ.

Việc sử dụng vốn nhàn rỗi để đầu tư của Quỹ phải đảm bảo an toàn vốn, có hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Mức vốn sử dụng cho vay theo quy định tại khoản 2 Điều này không vượt quá 20% tổng số vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ.

3. Được hạch toán vào chi phí các khoản sau :

a) Dự phòng rủi ro trong quá trình hoạt động;

b) Dự phòng rủi ro về tỷ giá.

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nêu trên.

Chương III

THU CHI TÀI CHÍNH

Điều 13. Thu nhập của Quỹ hỗ trợ phát triển

1. Thu nhập từ hoạt động nghiệp vụ :

a) Thu lãi cho vay;